

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí

2. Ông Huỳnh Văn Dứt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp AT, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Số 72, ấp BL, xã BT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp AT, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang (đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp AT, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.2. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp AT, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 04/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng thuộc địa chỉ ấp AT, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con và có người phụ nữ khác. Năm 2017, chị T có ý định ly hôn nhưng do anh M có năn nỉ, hứa sẽ sửa đổi tính tình và chị T cũng nghĩ đến con nên chị T cho anh M thêm cơ hội nhưng sau đó anh M không sửa đổi, tiếp tục ăn chơi, bỏ mặc vợ. Đến khoảng tháng 6/2017, anh M tụ tập bạn bè và có hành vi đánh nhau nên bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 08 năm tù và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị và bản thân anh M cũng có ý kiến muốn ly hôn với chị T. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phan Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tr1, sinh ngày 19/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 07/7/2010, hiện đang sống với chị Phan Thị Ngọc T. Sau khi ly hôn, chị Phan Thị Ngọc T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Tờ tự khai, anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc T.

Về con chung: Anh M và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tr1, sinh ngày 19/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 07/7/2010. Khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu chị Phan Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự khác vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Phan Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Chị T và anh M chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M thường

xuân cò bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con và có tình cảm với người phụ nữ khác. Chị T đã cho anh M cơ hội sửa đổi tính tình nhưng anh M không sửa đổi, tiếp tục ăn chơi, bỏ mặc vợ, con. Đến tháng 6/2017, anh M xử phạt 08 năm tù và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị và bản thân anh M cũng có ý kiến muốn ly hôn với chị T. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Về con chung, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ Tr1 và cháu Nguyễn Thị Mỹ H1; không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Th vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc T. Về quan hệ hôn nhân, chị Phan Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Văn M. Về con chung, chị Phan Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tr1, sinh ngày 19/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 07/7/2010; anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phan Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn M và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại ấp AT, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Th theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Th vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan

Thị Ngọc T nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Th vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc T cho rằng, chị T và anh M do tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân vào 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 04/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2017 thì ly thân cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh M. Anh Nguyễn Văn M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, chị Phan Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu được ly hôn đối với anh M và anh M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do đó, có đủ căn cứ để xác định hôn nhân của chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T yêu cầu ly hôn anh M phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung:

Chị Phan Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn M xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tr1, sinh ngày 19/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 07/7/2010. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng, do nhà của chị T với nhà của ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Th (ông, bà nội của cháu Tr1, cháu H1) ở gần nhau nên cháu Tr1, cháu H1 thường đến nhà của ông H, bà T, tuy nhiên, cháu Tr1, cháu H1 hiện nay do chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng chứ không phải do ông H, bà T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại Tờ tự khai ngày 14/3/2021 của anh Nguyễn Văn M và Tờ tự khai ngày 08/6/2022 của bà Nguyễn Thị Th đều cho rằng cháu Nguyễn Thị Mỹ Tr1 và cháu Nguyễn Thị Mỹ H1 hiện nay đang sống với ông H, bà T.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự để chứng minh cháu Tr1, cháu H1 đang sống với ông H, bà T và ông H, bà T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không tiến hành đối chất được. Mặt khác, căn cứ lời trình bày của cháu Nguyễn Thị Mỹ H1 và cháu Nguyễn Thị Mỹ Tr1 thì hiện nay cháu Tr1 và cháu H1 đang sống với chị T; lời trình bày của cháu Tr1, cháu H1 phù hợp với Biên bản xác minh ngày 21/7/2022 nên lời trình bày của chị T về việc cháu Tr1, cháu H1 hiện nay đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Khi ly hôn, chị T và anh M đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con chung cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Hiện nay, anh Nguyễn Văn M đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành nên không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Tr1 và cháu H1 đang sống với chị T và phát triển bình thường. Cháu Tr1 và cháu H1 cũng có nguyện vọng được sống với chị T. Để ổn định cuộc sống cho cháu Tr1 và cháu H1, giúp cháu Tr1 và cháu H1 phát triển tốt nhất về vật chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị T khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận; yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh M khi ly hôn không phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên không được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị Ngọc T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên anh Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Phan Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 127/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 04/9/2013 cho chị Phan Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn M không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Phan Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tr1, sinh ngày 19/8/2011 và Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 07/7/2010, hiện nay con chung đang sống với chị Phan Thị Ngọc T.

Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị Ngọc T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0006013 ngày 01/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

tỉnh An Giang;

- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lê Phước Sang